TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/DS-ST
Ngày: 07-8-2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Dương Văn Toản

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/8/2026. Tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 178/2026/DS ngày 10/7/2026; giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ngân hàng N3 (A);*

Trụ sở chính: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc V1 - Chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang.

Địa chỉ: Lô B, KCN Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

(Theo Quyết định số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Lê Ngọc V1: Ông Hoàng Minh T – Chức vụ: Phó giám đốc A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang. (có mặt)

Theo giấy ủy quyền số 249/UQ-NHNo.KCNBG ngày 11/3/2026.

** Bị đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm sinh: 1982 (vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn văn N1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1939 (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1943 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2026, bản tự khai và tại phiên tòa, ông Hoàng Minh T là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ và bà Bùi Thị N đã ký Hợp đồng tín dụng số 2505LAV201901604, số tiền vay là: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay để chi phí sản xuất kinh doanh đời sống gia đình, thời hạn vay 36 tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bùi Thị N đã trả được số tiền gốc là 70.000.000 đồng và lãi và vi phạm hợp đồng ngày 08/9/2022. Số tiền dư nợ tạm tính đến ngày 11/3/2026, bà Bùi Thị N còn nợ tổng số tiền là: 248.437.028 đồng (Trong đó gốc: 130.000.000 đồng; lãi 104.269.144 đồng; lãi chậm trả 14.167.884 đồng)

Vì vậy, A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ giữ nguyên các yêu cầu trong đơn khởi kiện, kính đề nghị Tòa án Nhân dân khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh giải quyết các vấn đề sau:

Buộc chị Bùi Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2, anh Nguyễn Văn N1 phải thanh toán cho A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang tạm tính đến ngày ngày 11/3/2026 số tiền là: 248.437.028 đồng (Trong đó gốc: 130.000.000 đồng; lãi 104.269.144 đồng; lãi chậm trả 14.167.884 đồng)

Buộc Bùi Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2, anh Nguyễn Văn N1 thanh toán phần nợ lãi, phát sinh theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2505LAV201901604 ngày 12/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xác định gia đình chị N đã trả được 87.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền lãi thì gia đình chị N chưa trả được số tiền nào. Buộc chị Bùi Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2, anh Nguyễn Văn N1 phải thanh toán cho A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang tạm tính đến ngày 07/8/2026 số tiền là: 229.265.691đồng (trong đó tiền gốc là 113.000.000 đồng; lãi là 116.265.691đồng) lãi chậm trả 18.744.875 đồng; theo Hợp đồng tín dụng số 2505LAV201901604 ngày 12/9/2019.

*Bị đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 2502LAV20190164 ngày 12/9/2019 gia đình chị đã thỏa thuận và ký kết với A Chi nhánh C để vay số tiền vay ban đầu là: 200.000.000 đồng. Tôi xác định chữ ký " N, Bùi Thị N" tại Hợp đồng tín dụng số 2502LAV20190164 ngày 12/9/2019 là do chị viết và ký. Chữ ký " Nhượng, Nguyễn Văn N1" tại giấy ủy quyền đề ngày 12/9/2019 là chữ ký của chồng chị; chữ " Nhưng, Nguyễn Văn N2" là của bố chồng chị; còn điểm chỉ ngón trỏ trái của bà V2 là của bà V2.

- Mục đích vay vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh đời sống gia đình; thời hạn vay 36 tháng, khi vay không bảo đảm bằng tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị trả được khoảng 95.000.000 đồng cả gốc và lãi.

Khi vay chị có tín chấp thửa đất số 191; tờ bản đồ số 20, diện tích 800m^2 tại Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là TDp T, phường N, tỉnh Bắc Ninh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1939 ngày 15/11/2000. Chị xác định đây là khoản nợ của vợ chồng chị, không liên quan đến bố mẹ chồng chị là ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị V2.

- Nay Ngân hàng A Chi nhánh C có đơn khởi kiện buộc chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 11/03/2026 là 248.437.028 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi bây nghìn, không trăm hai mươi tám đồng) (trong đó: Nợ gốc là: 130.000.000 đồng; nợ lãi là: 104.269.144 đồng; số tiền phạt lãi chậm trả là: 14.167.884 đồng) thì chị xác định là nợ chung của vợ chồng chị và vợ chồng chị đồng ý trả số tiền trên, và tiếp tục chịu lãi đến khi trả hết nợ.

Vì lý do công việc nên chị ủy quyền cho chồng chị là anh Nguyễn Văn N1 tham gia tố tụng tại Tòa án từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án, mọi quyết định của chồng chị là quyết định của chị.

Tại phiên tòa chị N vắng mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn N1: Anh nhất trí với phần trình bày của chị N và xác định là nợ chung của vợ chồng anh và đồng ý trả và tiếp tục chịu lãi.

Tại phiên tòa anh N1 vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị V2 đã được Toà án tống đạt hợp lệ, nhưng không lên Toà án làm việc.

Tại phiên tòa ông N2, bà V2 đều vắng mặt.

*Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117; Điều 429; Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 470 -Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 27; Điều 37 -Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm d khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 phải trả cho Ngân hàng N3 - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2026 số tiền là: 229.265.691đồng (trong đó tiền gốc là 113.000.000 đồng; lãi là 116.265.691đồng) lãi chậm trả 18.744.875 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2505LAV201901604 ngày 12/9/2019.

Kể từ ngày 08/8/2026, chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2505LAV201901604 ngày 12/9/2019 cho đến ngày chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 trả hết nợ gốc cho A.

Ngân hàng N3 - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ có trách nhiệm trả lại cho chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 191, tờ bản đồ số 20, diện tích 800m^2 tại xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn N2 ngày 15/11/2000, sau khi chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 thanh toán xong số tiền phải trả cho Ngân hàng N3 - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ.

Trường hợp chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng A- Chi nhánh Khu công nghiệp Đ -Bắc Giang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án/quyết định của Tòa án để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền 18.744.875 đồng.

3.Về án phí dân sự:

-Chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1 có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự là 5.731.643 đồng.

-Ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 5.731.643 đồng, nhưng được miễn án phí dân sự do thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Ngân hàng N3 (A) -Chi nhánh Khu công nghiệp Đ phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận là 937.244 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 6.211.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0003161 ngày 10/4/2026, tại thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả Ngân hàng N3 (A) - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ số tiền còn thừa là 5.273.756 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự trong vụ án không yêu cầu xem xét, nên không xem xét, áp dụng.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng N3 (A)-Chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 trả số tiền đã cho vay. Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn phường N, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh thụ lý giải vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 -Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng:

Theo lời khai của các bên đương sự đều phù hợp với nội dung: Ngày 12 tháng 9 năm 2019, A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ và bà Bùi Thị N đã ký Hợp đồng tín dụng số 2505LAV201901604, số tiền vay là: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay để chi phí sản xuất kinh doanh đời sống gia đình, thời hạn vay 36 tháng. Khi vay không bảo đảm bằng tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì chị N xác định đã trả được số tiền gốc và lãi khoảng 95.000.000 đồng. Xác định gia đình chị N đã trả được 87.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền lãi thì gia đình chị N chưa trả được số tiền nào và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 25/8/2022. Tính đến hết ngày 07/8/2026 số tiền còn nợ là: 229.265.691đồng (trong đó tiền gốc là 113.000.000 đồng; lãi là 116.265.691đồng). Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn N1 đều xác định là nợ chung của vợ chồng và đồng ý trả, không liên quan đến ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị V2. Phía A Chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang thì xác định là nợ của gia đình chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2. Tại giấy ủy quyền đề ngày 12/9/2019 thì bên ủy quyền gồm anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 đều ủy quyền cho chị Bùi Thị N đứng ra vay. Nay Ngân hàng N3 (A)-Chi nhánh Khu công nghiệp Đ khởi kiện chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 trả số tiền trên là có căn cứ, cần được chấp nhận và tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Trong đơn khởi kiện Ngân hàng N3 (A)-Chi nhánh Khu công nghiệp Đ khởi kiện chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 phải trả cho Ngân hàng. Tại giấy ủy quyền đề ngày 12/9/2019 thì bên ủy quyền gồm anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 đều ủy quyền cho chị Bùi Thị N đứng ra vay. Mục đích vay để chi phí sản xuất kinh doanh đời sống gia đình. Do vậy, buộc chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 phải trả cho Ngân hàng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu Ngân hàng N3 (A)-Chi nhánh Khu công nghiệp Đ Bắc Giang khởi kiện buộc chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 07/8/2026 là 18.744.875 đồng, HĐXX thấy không có căn cứ, nên không chấp nhận đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N3 (A)-Chi nhánh Khu công nghiệp Đ được chấp nhận một phần nên chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Do ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định đối với phần án phí của mình.

- Hoàn trả Ngân hàng N3 (A) -Chi nhánh Khu công nghiệp Đ số tiền 6.211.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0003161 ngày 10/4/2026, tại thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117; Điều 429; Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 470 -Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 27; Điều 37 -Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm d khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1.Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 phải trả cho Ngân hàng N3 - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2026 số tiền là: 229.265.691đồng (trong đó tiền gốc là 113.000.000 đồng; lãi là 116.265.691đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 2505LAV201901604 ngày 12/9/2019.

Kể từ ngày 08/8/2026, chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2505LAV201901604 ngày 12/9/2019 cho đến ngày chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 trả hết nợ gốc cho A.

Ngân hàng N3 - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ có trách nhiệm trả lại cho chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 191, tờ bản đồ số 20, diện tích 800m^2 tại xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn N2 ngày 15/11/2000, sau khi chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 thanh toán xong số tiền phải trả cho Ngân hàng N3 - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ.

Trường hợp chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng A- Chi nhánh Khu công nghiệp Đ -Bắc Giang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án/quyết định của Tòa án để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền 18.744.875 đồng.

3.Về án phí dân sự:

-Chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N1 có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự là 5.731.643 đồng.

-Ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị V2 có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 5.731.643 đồng, nhưng được miễn án phí dân sự do thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Ngân hàng N3 (A) -Chi nhánh Khu công nghiệp Đ phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận là 937.244 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 6.211.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0003161 ngày 10/4/2026, tại thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả Ngân hàng N3 (A) - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ số tiền còn thừa là 5.273.756 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị S

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Oanh